

Số: /BC-HCC

Quảng Trị, ngày 04 tháng 5 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Tình hình hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và kết quả tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh tháng 4/2022, phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2022**

### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG 4/2022**

#### **1. Tình hình hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.**

- Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; cử công chức, viên chức đến làm việc tại Trung tâm đúng theo quy định.

- Cán bộ, công chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được cơ quan giao và tuân thủ nội quy, quy chế làm việc của Trung tâm; giữ tinh thần thái độ tiếp dân đúng mực; giải quyết TTHC công khai, minh bạch; thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin hồ sơ TTHC lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu luân chuyển, xử lý hồ sơ điện tử.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã bố trí đầy đủ trang thiết bị, máy tính, máy in, máy quét (scan), máy xếp hàng tự động, máy quét mã vạch, điện thoại và cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người dân nhanh chóng, chính xác và hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức đến làm việc tại Trung tâm.

- Phối hợp với các đơn vị thực hiện in niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ số lượng TTHC được công bố ở vị trí thuận lợi để người dân có thể tra cứu TTHC hiệu quả.

- Tích hợp, công khai DVC các Sở: Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư trên Cổng dịch vụ công tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo QĐ 708/QĐ-UBND ngày 04/3/2022.

- Thực hiện Đề án số 06/CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về việc phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó triển khai nhiệm vụ kết nối, chia sẻ, khai thác, đồng bộ thông tin giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; trong tháng 4, Trung tâm đã:

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kết nối thử nghiệm thành công Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư.

+ Phối hợp với Đoàn công tác kiểm tra an ninh an toàn hệ thống của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an kiểm tra an ninh an toàn cho hệ thống để chuẩn bị triển khai kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư cho Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

- Hoàn thiện các nội dung về kỹ thuật trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh phục vụ thanh toán phí/lệ phí giải quyết TTHC không dùng tiền mặt theo sự chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức/cá nhân khi thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng thanh toán Quốc gia đối với toàn bộ TTHC có phí lệ phí các cấp bằng mã qrcode bắt đầu từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành chuyển đổi địa chỉ IPv4 sang IPv6 cho Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

## **2. Kết quả tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và Cổng dịch vụ công tỉnh.**

### ***- Về triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến***

Trong kỳ, một số cơ quan, đơn vị có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh cao như: Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND huyện Triệu Phong. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều đơn vị có số lượng hồ sơ tiếp nhận nhiều nhưng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh thấp như: Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải; UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông và UBND huyện Cam Lộ (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo báo cáo này*).

### ***- Về Số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC***

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về giải quyết thủ tục hành chính trên môn trường điện tử, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5525/KH-UBND ngày 02/12/2020 và Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 07/6/2021 để hướng dẫn triển khai thực hiện số hoá hồ sơ TTHC, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã xây dựng quy trình số hóa trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

Qua theo dõi, đa số các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã thực hiện tốt việc số hoá kết quả giải quyết TTHC. Tuy nhiên việc số hóa thành phần hồ sơ chưa được các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện, đặc biệt là UBND cấp huyện tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ và số hóa kết quả giải quyết TTHC thấp dưới 50%, dẫn đến tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ toàn tỉnh chỉ đạt 16,89% và tỷ

lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC chỉ đạt 18,51% (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Báo cáo này*).

**- Về kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**

Trong tháng 4/2022, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, BQL Khu kinh tế, các cơ quan trung ương trên địa bàn và UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tiếp nhận **67.918** hồ sơ. Trong đó, đã giải quyết **43.179** hồ sơ (*đúng hạn và trước hạn 39.352 hồ sơ; quá hạn 3.827 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ quá hạn chiếm 9,7%*).

Đa số các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế và các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn đã giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đúng thời gian quy định. Tuy nhiên vẫn còn một số cơ quan, đơn vị giải quyết hồ sơ chậm, trễ hạn nhiều như: Sở Tài nguyên và Môi trường; các huyện Vĩnh Linh, Đakrông, Gio Linh và thành phố Đông Hà.

Việc xin lỗi người dân khi giải quyết hồ sơ trễ hạn chưa được các cơ quan, đơn vị chú trọng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thành phố, thị xã.

*(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo báo cáo này)*

Theo số liệu thống kê từ ngày 15/3 đến ngày 14/4, lĩnh vực Đất đai đã tiếp nhận 19.416 hồ sơ trên tổng số 67.918 hồ sơ của tất cả các lĩnh vực. Trong đó, các cơ quan, đơn vị chỉ giải quyết được 4.895 hồ sơ ( đúng hạn 1.526; quá hạn 3.369 hồ sơ, chiếm 220%) còn lại 12.588 hồ sơ đang giải quyết (trong đó đã quá hạn 6.118 hồ sơ) (*chi tiết tại phụ lục 4 kèm theo báo cáo này*).

**- Về triển khai thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia**

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã cấu hình quy trình thanh toán trực tuyến cho 246 TTHC trên tổng số 397 TTHC có quy định thu phí, lệ phí (đạt 61,9%). Tuy nhiên, số hồ sơ thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia còn quá thấp so với tổng số hồ sơ có phí, lệ phí (đạt 0,16%).

Đối với UBND các huyện, thành phố, thị xã: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã cấu hình quy trình thanh toán trực tuyến cho 42 TTHC trên tổng số 93 TTHC có quy định thu phí, lệ phí (đạt 45,1%). Tuy nhiên, số hồ sơ thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia chỉ được 03 hồ sơ trên tổng số 5.982 hồ sơ có thu phí, lệ phí (đạt 0,05%).

+ Đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai: Tháng 4 có 6 hồ sơ được thanh toán trực tuyến trên tổng số **6.971** hồ sơ (đạt tỷ lệ 0,08).

*(Chi tiết tại phụ lục 05 và phụ lục 06 kèm theo)*

### 3. Tồn tại, hạn chế và kiến nghị, đề xuất

- *Về triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến:* Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cần triển khai đồng bộ các giải pháp hơn nữa nhằm giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, sử dụng các DVCTT mức độ cao đã được cung cấp trên Cổng DVC tỉnh và Cổng DVC quốc gia; Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức của CBCCVC, người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về dịch vụ công trực tuyến, ý nghĩa, vai trò, tác dụng, lợi ích, hiệu quả của DVC trực tuyến; Bộ phận TN&TKQ các cấp cần tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức/cá nhân khi làm hồ sơ giải quyết TTHC; tăng cường triển khai thực hiện Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo chỉ tiêu được giao trong năm 2022; khi tiếp nhận hồ sơ, trong trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có tài khoản trên Cổng dịch vụ công Quốc gia thì cán bộ một cửa phải hướng dẫn, trực tiếp hỗ trợ tạo lập tài khoản cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

- *Về thanh toán phí, lệ phí:*

Hiện nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã cấu hình, tích hợp các DVC trực tuyến có phí, lệ phí trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ thu phí, lệ phí trực tuyến còn rất thấp. Vì vậy, đề nghị các sở, ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; yêu cầu cán bộ, công chức hướng dẫn người dân thực hiện, nhằm nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên phạm vi toàn tỉnh và đạt chỉ tiêu đã đề ra.

- *Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:* Qua theo dõi, nhiều đơn vị thực hiện rất tốt, tuy nhiên, một số đơn vị vẫn thực hiện 1 cách đối phó, tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC chưa cao; một số đơn vị đính kèm văn bản không phải kết quả của hồ sơ để kết thúc quy trình giải quyết hồ sơ trước hạn trên Hệ thống hoặc không thực hiện trả hồ sơ TTHC trên Hệ thống MCĐT, làm số lượng hồ sơ trễ hạn tăng lên rất cao. Vì vậy, đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch 5525/KH-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh và Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh.

- *Về kết quả giải quyết TTHC:* Trong tháng 4, tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn còn rất cao ( 3.827 hồ sơ/43.179 hồ sơ đã giải quyết, chiếm 9,7%). Trong đó, lĩnh vực Đất đai vẫn là lĩnh vực có số lượng hồ sơ giải quyết trễ hạn nhiều nhất (3.369/3.827 hồ sơ đã giải quyết quá hạn toàn tỉnh). Vì vậy, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm, chỉ đạo các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện kịp thời giải quyết số lượng hồ sơ còn tồn đọng cho người dân, đồng thời có giải pháp lâu dài để giải quyết hồ sơ đúng thời gian quy định cho người dân trong thời gian tới.

- Thực hiện xin lỗi người dân đối với các hồ sơ trễ hạn theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; đính kèm văn bản xin lỗi trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để thông báo cho người dân theo quy định.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 5/2022**

### **1. Nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã**

Chỉ đạo Bộ phận một cửa các cấp thực hiện tạo tài khoản cho cá nhân, tổ chức trên Cổng dịch vụ công quốc gia để sử dụng thống nhất với tài khoản Cổng DVC tỉnh theo quy định.

- Triển khai thực hiện số hoá kết quả giải quyết TTHC và số hoá hồ sơ theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng thời gian quy định; thực hiện xin lỗi người dân đầy đủ; tuyên truyền, hướng dẫn người dân tạo tài khoản cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia; vận động tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Tăng cường ứng dụng chữ ký số, xác thực điện tử trong xử lý hồ sơ, phê duyệt kết quả giải quyết hồ sơ TTHC.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia; thu phí, lệ phí bằng biên lai điện tử và hướng dẫn việc thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt tại cấp xã.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền hướng dẫn người dân thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; chỉ đạo CCVC hướng dẫn người dân thực hiện khi đến nộp hồ sơ về đất đai tại Bộ phận một cửa các cấp.

- Công an tỉnh thực hiện đưa các TTHC lĩnh vực cấp, quản lý căn cước công dân theo Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ra tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận một cửa cấp huyện.

### **2. Trung tâm Phục vụ hành chính công**

- Tích hợp chức năng kiểm tra danh tính số trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- Hoàn thiện hồ sơ đề xuất kết nối chính thức cho Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư theo kế hoạch triển khai thực hiện Đề án số 06/CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về việc phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; xây

dựng nâng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đạt các mục tiêu đã đề ra, tích hợp các DVC tỉnh với Cổng dịch DVC quốc gia; triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến, thu phí, lệ phí bằng biên lai điện tử đối với cấp tỉnh, cấp huyện; triển khai thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và UBND cấp huyện, cấp xã theo kế hoạch của UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả hoạt động tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và kết quả tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh tháng 4/2022 và phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2022.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (b/c);
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VP ĐK ĐĐ tỉnh;
- HĐND-UBND các huyện, TX, TP;
- CC, VC TTPVHCC;
- Lưu: VT, HCTH.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lâm Công Tuấn**

**Phụ lục 1**  
**TỶ LỆ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN ĐƯỢC TIẾP NHẬN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG**  
*(Từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022)*

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hồ sơ nhận giải quyết				
		Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>					
1.	Sở Công thương	<b>1499</b>	1487	3	9	99.20
2.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<b>25</b>	23	2	0	92.00
3.	Sở Tài chính	<b>101</b>	84	17	0	83.17
4.	Sở Thông tin Truyền thông	<b>3</b>	2	1	0	66.67
5.	Sở Giáo dục và Đào tạo	<b>89</b>	56	33	0	62.92
6.	Sở Nông nghiệp và PTNT	<b>387</b>	215	23	149	55.56
7.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	<b>18</b>	8	10	0	44.44
8.	Sở Xây dựng	<b>219</b>	57	156	5	26.03
9.	Sở Giao thông Vận tải	<b>1067</b>	189	480	398	17.71
10.	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>6</b>	1	3	2	16.67
11.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<b>519</b>	82	268	169	15.80
12.	Sở Tư pháp	<b>842</b>	107	268	467	12.71
13.	Ban Quản lý Khu Kinh tế	<b>17</b>	1	10	6	5.88
14.	Sở Y tế	<b>127</b>	3	71	53	2.36
15.	Sở Nội vụ	<b>263</b>	1	250	12	0.38
16.	Sở Tài nguyên và Môi trường	<b>21596</b>	0	10462	9872	0.00
17.	Sở Ngoại vụ	<b>1</b>	0	0	1	0.00
18.	Thanh tra tỉnh	<b>0</b>	0	0	0	0.00
19.	Ban Dân tộc	<b>0</b>	0	0	0	0.00
20.	Công an tỉnh	<b>119</b>	0	64	55	0.00
<b>II</b>	<b>Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh</b>					
21.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	<b>72</b>	72	0	0	100.00
22.	Kho bạc Nhà nước	<b>0</b>	0	0	0	0.00
23.	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	<b>8227</b>	0	2577	0	0.00
<b>III</b>	<b>UBND các huyện, thành phố, thị xã</b>					
24.	UBND huyện Triệu Phong	<b>3758</b>	2910	135	697	77.43
25.	UBND thị xã Quảng Trị	<b>980</b>	500	71	382	51.02
26.	UBND huyện Hải Lăng	<b>3012</b>	1113	85	1808	36.95

27.	UBND huyện Vĩnh Linh	<b>6123</b>	2063	1870	2131	33.69
28.	UBND Thành phố Đông Hà	<b>3642</b>	803	405	2434	22.05
29.	UBND huyện Gio Linh	<b>4690</b>	823	367	3471	17.55
30.	UBND huyện Đakrông	<b>3260</b>	155	100	3003	4.75
31.	UBND huyện Cam Lộ	<b>3323</b>	99	157	2948	2.98
32.	UBND huyện Hướng Hóa	<b>3866</b>	13	139	3713	0.34
33.	UBND huyện đảo Cồn Cỏ	<b>0</b>	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>67918</b>	<b>10867</b>	<b>18047</b>	<b>31785</b>	



Phụ lục 2

**KẾT QUẢ SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỦA ĐIỆN TỬ TỈNH**  
(Từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022)

**1. Số hóa thành phần hồ sơ**

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTTC khi Tiếp nhận				
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>					
1.	Sở Tài chính	5	5	5	100	0
2.	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	3	100	0
3.	Sở Công thương	1496	1496	1496	100	0
4.	Sở Ngoại vụ	1	1	1	100	0
5.	Sở Thông tin Truyền thông	2	2	2	100	0
6.	Sở Tư pháp	574	572	569	99.13	2
7.	Sở Giao thông Vận tải	587	587	567	96.59	0
8.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	23	23	22	95.65	0
9.	Sở Giáo dục và Đào tạo	56	56	52	92.86	0
10.	Sở Nội vụ	13	12	12	92.31	1
11.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	9	8	8	88.89	1
12.	Sở Xây dựng	62	62	54	87.1	0
13.	Sở Y tế	56	56	45	80.36	0
14.	Sở Nông nghiệp và PTNT	364	242	233	64.01	122
15.	Ban Quản lý Khu Kinh tế	7	6	4	57.14	1
16.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	171	97	94	54.97	74
17.	Sở Tài nguyên và Môi trường	9872	50	29	0.29	9822
18.	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0	0
19.	Ban Dân tộc	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh</b>					
20.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	72	71	71	98.61	1
21.	Công an tỉnh	55	7	7	12.73	48
22.	Kho bạc Nhà nước	0	0	0	0	0
23.	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>UBND các huyện, thành phố, thị xã</b>					
24.	UBND thị xã Quảng Trị	882	417	373	42.29	465
25.	UBND huyện Hải Lăng	2921	1019	1000	34.23	1902
26.	UBND huyện Triệu Phong	3607	1189	1170	32.44	2418
27.	UBND Thành phố Đông Hà	3237	542	522	16.13	2695

28.	UBND huyện Gio Linh	4294	271	267	6.22	4023
29.	UBND huyện Đakrông	3158	154	153	4.84	3004
30.	UBND huyện Vĩnh Linh	4194	177	175	4.17	4017
31.	UBND huyện Hướng Hóa	3726	140	138	3.7	3586
32.	UBND huyện Cam Lộ	3047	124	106	3.48	2923
33.	UBND huyện đảo Côn Cỏ	0	0	0	0	0
	Tổng số	42494	7389	7178	16.89	35105

Ghi chú: Cột (6) xếp theo thứ tự đơn vị có Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ từ cao xuống thấp

## 2. Số hóa kết quả giải quyết TTHC

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>				
1.	Sở Tư pháp	670	670	100	0
2.	Sở Y tế	49	49	100	0
3.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7	7	100	0
4.	Sở Nội vụ	18	18	100	0
5.	Sở Tài chính	5	5	100	0
6.	Sở Xây dựng	163	163	100	0
7.	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	41	100	0
8.	Sở Giao thông Vận tải	552	552	100	0
9.	Ban Quản lý Khu Kinh tế	6	6	100	0
10.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	19	19	100	0
11.	Sở Thông tin Truyền thông	2	2	100	0
12.	Sở Tài nguyên và Môi trường	7225	4365	60.42	2860
13.	Sở Khoa học và Công nghệ	5	3	60	2
14.	Sở Nông nghiệp và PTNT	361	105	29.09	256
15.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	151	23	15.23	128
16.	Sở Công thương	1494	13	0.87	1481
17.	Sở Ngoại vụ	0	0	0	0
18.	Thanh tra tỉnh	0	0	0	0
19.	Ban Dân tộc	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh</b>				
20.	Công an tỉnh	46	46	100	0
21.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	72	0	0	72
22.	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>UBND các huyện, thành phố, thị xã</b>				
23.	UBND huyện Triệu Phong	3616	573	15.85	3043
24.	UBND huyện Hải Lăng	2929	187	6.38	2742
25.	UBND Thành phố Đông Hà	3275	117	3.57	3158
26.	UBND huyện Vĩnh Linh	3810	125	3.28	3685
27.	UBND huyện Gio Linh	4293	140	3.26	4153
28.	UBND thị xã Quảng Trị	877	16	1.82	861
29.	UBND huyện Cam Lộ	3061	50	1.63	3011

30.	UBND huyện Hướng Hóa	3674	23	0.63	3651
31.	UBND huyện Đakrông	3140	9	0.29	3131
32.	UBND huyện đảo Côn Cỏ	0	0	0	0
	Tổng số	39561	7324	18.51	32237

*Ghi chú: Cột (5) xếp theo thứ tự đơn vị có Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ từ cao xuống thấp*

Phụ lục 3  
**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
*(Từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022)*

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hồ sơ nhận giải quyết					Số hồ sơ đã giải quyết				đơn vị tiếp nhận ban đầu		đơn vị tiếp nhận liên thông	
		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	làm trễ hạn	thực hiện xin lỗi	làm trễ hạn	thực hiện gia hạn
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tiếp nhận liên thông								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>I</b>	<b>Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>													
1.	Sở Tư pháp	<b>842</b>	107	268	467	0	<b>670</b>	665	4	<b>1</b>	1	1	0	0
2.	Sở Y tế	<b>127</b>	3	71	53	0	<b>49</b>	47	2	<b>0</b>	0	0	0	0
3.	Sở Tài nguyên và Môi trường	<b>21596</b>	0	10462	9872	1262	<b>7727</b>	3980	362	<b>3385</b>	3361	0	41	0
4.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	<b>18</b>	8	10	0	0	<b>9</b>	9	0	<b>0</b>	0	0	0	0
5.	Sở Nội vụ	<b>263</b>	1	250	12	0	<b>18</b>	17	1	<b>0</b>	0	0	0	0
6.	Sở Tài chính	<b>101</b>	84	17	0	0	<b>84</b>	84	0	<b>0</b>	0	0	0	0
7.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<b>519</b>	82	268	169	0	<b>212</b>	205	3	<b>4</b>	1	3	3	0
8.	Sở Khoa học và Công nghệ	<b>6</b>	1	3	2	0	<b>5</b>	5	0	<b>0</b>	0	0	0	0
9.	Sở Xây dựng	<b>219</b>	57	156	5	1	<b>163</b>	163	0	<b>0</b>	0	0	0	0
10.	Sở Giáo dục và Đào tạo	<b>89</b>	56	33	0	0	<b>41</b>	40	1	<b>0</b>	0	0	0	0
11.	Sở Nông nghiệp và PTNT	<b>387</b>	215	23	149	0	<b>361</b>	361	0	<b>0</b>	0	0	0	0
12.	Sở Giao thông Vận tải	<b>1067</b>	189	480	398	0	<b>552</b>	539	13	<b>0</b>	0	0	0	0
13.	Sở Công thương	<b>1499</b>	1487	3	9	0	<b>1494</b>	1494	0	<b>0</b>	0	0	0	0
14.	Sở Ngoại vụ	<b>1</b>	0	0	1	0	<b>0</b>	0	0	<b>0</b>	0	0	0	0

15.	Thanh tra tỉnh	<b>0</b>	0	0	0	0	<b>0</b>	0	0	<b>0</b>	0	0	0	0
16.	Ban Quản lý Khu Kinh tế	<b>17</b>	1	10	6	0	<b>6</b>	5	1	<b>0</b>	0	0	0	0
17.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<b>25</b>	23	2	0	0	<b>19</b>	19	0	<b>0</b>	0	0	0	0
18.	Sở Thông tin Truyền thông	<b>3</b>	2	1	0	0	<b>2</b>	2	0	<b>0</b>	0	0	0	0
19.	Ban Dân tộc	<b>0</b>	0	0	0	0	<b>0</b>	0	0	<b>0</b>	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh</b>													
20.	Công an tỉnh	<b>119</b>	0	64	55	0	<b>46</b>	35	11	<b>0</b>	0	0	0	0
21.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	<b>72</b>	72	0	0	0	<b>72</b>	72	0	<b>0</b>	0	0	0	0
22.	Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	<b>8227</b>	0	2577	0	5650	<b>2793</b>	2649	112	<b>32</b>	32	0	0	0
<b>III</b>	<b>UBND các huyện, thành phố, thị xã</b>													
23.	UBND Thành phố Đông Hà	<b>3642</b>	803	405	2434	0	<b>3276</b>	3149	63	<b>64</b>	64	0	1	0
24.	UBND thị xã Quảng Trị	<b>980</b>	500	71	382	27	<b>900</b>	867	19	<b>14</b>	14	0	1	0
25.	UBND huyện Vĩnh Linh	<b>6123</b>	2063	1870	2131	59	<b>3852</b>	3560	44	<b>248</b>	11	0	246	0
26.	UBND huyện Hướng Hóa	<b>3866</b>	13	139	3713	1	<b>3674</b>	3651	22	<b>1</b>	1	0	0	0
27.	UBND huyện Gio Linh	<b>4690</b>	823	367	3471	29	<b>4324</b>	2827	1465	<b>32</b>	14	0	21	0
28.	UBND huyện Đakrông	<b>3260</b>	155	100	3003	2	<b>3141</b>	3102	6	<b>33</b>	33	0	8	0
29.	UBND huyện Cam Lộ	<b>3323</b>	99	157	2948	119	<b>3082</b>	3072	1	<b>9</b>	3	0	0	0
30.	UBND huyện Triệu Phong	<b>3758</b>	2910	135	697	16	<b>3630</b>	3625	5	<b>0</b>	0	0	0	0
31.	UBND huyện Hải Lăng	<b>3012</b>	1113	85	1808	6	<b>2936</b>	2922	14	<b>0</b>	0	0	0	0
32.	UBND huyện đảo Cồn Cỏ	<b>0</b>	0	0	0	0	<b>0</b>	0	0	<b>0</b>	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>67918</b>	<b>10867</b>	<b>18047</b>	<b>31785</b>	<b>7219</b>	<b>43179</b>	<b>37194</b>	<b>2158</b>	<b>3827</b>				

Phụ lục 4  
**THÔNG KÊ HỒ SƠ LIÊN THÔNG TRỄ HẸN - LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**  
*(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 3 năm 2022)*

STT	Hồ sơ phát sinh trên địa bàn (Lĩnh vực đất đai)	Đơn vị trực tiếp tiếp nhận	Tổng tiếp nhận	Tiếp nhận mới	Tồn kỳ trước	Đã giải quyết								Đang giải quyết			
						Tổng	Đúng hạn	Hồ sơ trễ hạn	Số lần trễ hạn tại xã	Số lần trễ hạn tại huyện	Số lần trễ hạn tại sở TNMT	Số lần trễ hạn tại sở Xây dựng	Số lần trễ hạn tại cơ quan Thuế	Tổng	Còn hạn	Quá hạn	
																	(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
1	Thành phố Đông Hà	Một cửa Thành phố	284	80	204	77	62	15	0	15	1	0	1	206	187	19	
		CN đất Thành phố	731	570	161	472	445	27	0	0	27	0	1	259	258	1	
		Một cửa các phường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tổng	1015	650	365	549	507	42	0	15	28	0	2	465	445	20	
2	Thị xã Quảng Trị	Một cửa Thị xã	48	25	23	16	13	3	0	3	1	0	0	32	32	0	
		CN đất Thị xã	384	263	121	298	212	86	0	9	86	0	0	84	84	0	
		Một cửa các phường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tổng	432	288	144	314	225	89	0	12	87	0	0	116	116	0	
3	Huyện Vĩnh Linh	Một cửa Huyện	483	57	426	0	0	0	0	0	0	0	0	483	115	368	
		CN đất Huyện	5489	1500	3989	1744	138	1606	0	0	1606	0	10	2477	802	1675	
		Một cửa xã/thị trấn	1964	583	1381	258	12	246	129	0	246	0	5	1606	473	1133	
		Tổng	7936	2140	5796	2002	150	1852	129	0	1852	0	15	4566	1390	3176	
4	Huyện Hướng Hóa	Một cửa Huyện	133	52	81	1	1	0	0	0	0	0	128	96	32		
		CN đất Huyện	2147	798	1349	0	0	0	0	0	0	0	0	2062	791	1271	

		Một cửa xã/thị trấn	1	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tổng	2281	851	1430	2	2	0	0	0	0	0	0	2190	887	1303
5	Huyện Gio Linh	Một cửa Huyện	464	139	325	139	111	28	0	23	20	0	0	325	325	0
		CN đất Huyện	1915	981	934	193	67	126	0	4	126	0	1	1546	545	1001
		Một cửa xã/thị trấn	8	8	0	2	1	1	1	0	1	0	0	6	6	0
		Tổng	2387	1128	1259	334	179	155	1	27	147	0	1	1877	876	1001
6	Huyện Đakrông	Một cửa Huyện	87	12	75	2	0	2	0	2	0	0	0	85	84	1
		CN đất Huyện	154	84	70	32	18	14	0	1	14	0	5	118	111	7
		Một cửa xã/thị trấn	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
		Tổng	243	97	146	34	18	16	0	3	14	0	5	205	197	8
7	Huyện Cam Lộ	Một cửa Huyện	161	30	131	46	38	8	0	8	8	0	1	107	81	26
		CN đất Huyện	2178	1344	834	675	75	600	0	13	600	0	6	1248	883	365
		Một cửa xã/thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tổng	2339	1374	965	721	113	608	0	21	608	0	7	1355	964	391
8	Huyện Triệu Phong	Một cửa Huyện	113	5	108	8	8	0	0	0	0	0	0	105	105	0
		CN đất Huyện	1571	797	774	458	266	192	0	0	192	0	0	1094	1090	4
		Một cửa xã/thị trấn	6	1	5	3	3	0	0	0	0	0	0	3	3	0
		Tổng	1690	803	887	469	277	192	0	0	192	0	0	1202	1198	4
9	Huyện Hải Lăng	Một cửa Huyện	18	4	14	7	7	0	0	0	0	0	0	11	11	0
		CN đất Huyện	1073	631	442	462	47	415	0	0	415	0	14	600	385	215
		Một cửa xã/thị trấn	2	0	2	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
		Tổng	1093	635	458	470	55	415	0	0	415	0	14	612	397	215
10	Huyện đảo Côn Cỏ	Một cửa Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		CN đất Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Một cửa xã/thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<b>Tổng</b>	<b>19416</b>	<b>7966</b>	<b>11450</b>	<b>4895</b>	<b>1526</b>	<b>3369</b>	<b>130</b>	<b>78</b>	<b>3343</b>	<b>0</b>	<b>44</b>	<b>12588</b>	<b>6470</b>	<b>6118</b>

## Phụ lục 05

**BẢNG TỔNG HỢP THU PHÍ, LỆ PHÍ CÁC SỞ, BAN NGÀNH CẤP TỈNH***(Từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022)*

Stt	Đơn vị	Tổng số hồ sơ có thu phí, lệ phí trên thực tế	Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC QG	Tổng số hồ sơ có thực hiện thu phí, lệ phí trên MCĐT	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên cổng DVC QG (%)	Tổng số TTHC có phí, lệ phí (Mức độ 1,2,3,4)	Tổng số TTHC đã triển khai thanh toán trực tuyến (Mức độ 4 có phí, lệ phí)	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến (%)
		A	B	C	$D=B/A*100$	E	F	$G=F/E*100$
1	Sở Tư pháp	571	1	530	0,17	18	11	61,1
2	Sở Y tế	29	1	8	3,44	41	41	100
3	Sở TN&MT	6971	6	14	0,08	64	33	51,6
4	Sở LĐTB&XH	1	0	1	0	4	2	50
5	Sở Nội vụ	0	0	0	0	7	6	85,7
6	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	0	0
7	Sở KH&ĐT	177	0	95	0	54	36	66,6
8	Sở KH&CN	0	0	0	0	5	3	60
9	Sở Xây dựng	59	0	36	0	21	15	71,4
10	Sở GD&ĐT	1	1	0	100	1	1	100
11	Sở NN&PTNT	288	0	37	0	59	27	45,7
12	Sở GTVT	424	3	380	0,70	17	15	88,2
13	Sở Công thương	2	0	0	0	61	37	60,6
14	Ban QLKKT	1	0	1	0	8	2	25
15	Sở VH,TT&DL	2	2	2	100	27	10	37
16	Sở TT&TT	0	0	0	0	7	7	100
17	Công an tỉnh	16	0	2	0	3	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8541</b>	<b>14</b>	<b>1106</b>	<b>0.16</b>	<b>397</b>	<b>246</b>	<b>61,9</b>



## Phụ lục 06

**BẢNG TỔNG HỢP THU PHÍ, LỆ PHÍ CẤP HUYỆN***(Từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022)***1. Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến theo lĩnh vực cấp huyện**

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC có phí, lệ phí (Mức 1,2,3,4)	Tổng số TTHC đã triển khai thanh toán trực tuyến (Mức độ 4 có phí, lệ phí)	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến (%)
1	Xây dựng	8	8	100
2	Kế hoạch và Đầu tư	13	13	100
3	Tài nguyên và Môi trường	23	17	73,9
4	Tư pháp	27	2	7,4
5	Công thương	9	2	22,2
6	Văn hóa thông tin	2	0	0
7	Y tế	1	0	0
8	Công an	10	0	0
9	<b>Tổng cộng</b>	<b>93</b>	<b>42</b>	<b>45,1</b>

**2. Tỷ lệ hồ sơ cấp huyện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia**

Stt	Tên cơ quan	Tổng số hồ sơ có thu phí, lệ phí trên thực tế	Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC QG	Tổng số hồ sơ có thực hiện thu phí, lệ phí trên MCĐT	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến (%)
		A	B	C	$D=B/A*100$
1	TP Đông Hà	3094	1	280	0,03
2	Thị xã Quảng Trị	144	0	74	0
3	Huyện Vĩnh Linh	539	0	0	0
4	Huyện Hướng Hoá	361	1	23	0,27
5	Huyện Gio Linh	691	0	63	0
6	Huyện Đakrông	106	0	74	0

7	Huyện Cam Lộ	842	1	28	0,11
8	Huyện Triệu Phong	129	0	85	0
9	Huyện Hải Lăng	76	0	50	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5982</b>	<b>3</b>	<b>677</b>	<b>0.05</b>

### 3. Tỷ lệ hồ sơ thanh toán nghĩa vụ tài chính lĩnh vực Đất đai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Stt	Tên cơ quan	Tổng số hồ sơ có thu phí, lệ phí trên thực tế	Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC QG	Tổng số hồ sơ có thực hiện thu phí, lệ phí trên MCDT	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến (%)
		A	B	C	D=B/A*100
1	CN VPĐKĐĐ TP Đông Hà	570	0	1	0
2	CN VPĐKĐĐ huyện Đakrông	84	0	0	0
3	CN VPĐKĐĐ huyện Gio Linh	981	1	0	0,1
4	CN VPĐKĐĐ huyện Vĩnh Linh	1500	4	3	0,26
5	CN VPĐKĐĐ huyện Hải Lăng	619	0	0	0
6	CN VPĐKĐĐ huyện Triệu Phong	793	1	1	0,12
7	CN VPĐKĐĐ TX Quảng Trị	263	0	0	0
8	CN VPĐKĐĐ huyện Cam Lộ	1344	0	5	0
9	CN VPĐKĐĐ huyện Hướng Hóa	798	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6971</b>	<b>6</b>	<b>14</b>	<b>0,08</b>